TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/02/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng**
2. Ông **Nguyễn Ngọc Hùng Minh**

- *Th ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Dương** – Th ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 406/2022/TLST- HNGĐ ngày 19/10/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1980
- *Bị đơn*: Anh Lý Mộng Ch, sinh năm 1975
Cùng địa chỉ: tổ 17, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai
- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960
Địa chỉ: tổ 17, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Th trình bày:*

Chị và anh Lý Mộng Ch trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian gần 01 năm, đến năm 2004 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống, đến ngày 20/12/2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn và bắt đầu trầm trọng là từ năm 2018 cho đến nay. Chị và anh Ch vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Th trình bày: do anh Ch hay ghen tuông vô cớ những lần chị đi làm về trễ hay đi chơi với bạn bè, mâu thuẫn trong chuyện kinh tế gia đình khi chị vay tiền để làm nhà, vợ chồng không có tiếng nói chung, Thờng xuyên xảy ra cãi vã, anh Ch nhiều lần còn đánh chị. Từ đó dẫn đến

cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện tại tình cảm chị dành cho anh Ch không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ch.

Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là Lý, sinh ngày 25/9/2005 và Lý Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 04/8/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nam và Nh, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên đất của ba mẹ chị, nhưng vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Từ khi thụ lý Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lý Mộng Ch, nhưng anh Ch vẫn vắng mặt nên không có lời khai về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung trong hồ sơ.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì ông Nguyễn Hữu C - là cha ruột của chị Th:* ông C cho rằng, chị Th và anh Ch có thiết lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung, tài sản chung là căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất của vợ chồng ông. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị Th, anh Ch về xây nhà và sinh sống bên cạnh gia đình ông. Trong quá trình chung sống thì ông thấy vợ chồng chị Th xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch có tính gia trưởng hay ghen tuông vô cớ, hai vợ chồng tính không hợp nhau, Thờng xuyên xảy ra cãi vã, ông cũng đã khuyên bảo hòa giải nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn với nhau.

* Tài liệu chứng cứ: Biên bản lấy lời khai người làm chứng xác minh mâu thuẫn vợ chồng (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Th ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Th và anh Ch ly hôn; về con chung: giao cháu N và Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Ch; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Minh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lý Mộng Ch, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lý Mộng Ch có hộ khẩu Thờng trú và nơi cư trú tại: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Th có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lý Mộng Ch đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Ch vẫn vắng

mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh Th và anh Lý Mộng Ch đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 20/12/2004 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107/2004, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th nhận thấy:

Theo trình bày của chị Th thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và kéo dài nhiều năm nay do anh Ch hay ghen tuông, mâu thuẫn trong chuyện kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Ch còn nhiều lần đánh đập chị. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ch.

Tuy anh Ch vắng mặt không có lời khai tại Tòa án, nhưng qua lời trình bày của ông C là cha ruột của chị Th thì thấy: giữa anh Ch và chị Th có xảy ra nhiều mâu thuẫn, Thờng xuyên cãi vả, hai bên gia đình cũng đã hòa giải để anh chị hàn gắn với nhau nhưng không được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh Ch. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật HN&GĐ năm 2000 chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh Ch.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu Nam và cháu Nh, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị Th thì thấy chị Th có công việc và thu nhập. Đồng thời cháu N và Nh đều có nguyện vọng được sống cùng chị Th. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu thì thấy nên giao cháu Nam và Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên chấp nhận cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và Nh.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ch.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị Th xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có, do anh Ch vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131 của Luật HN và GĐ năm 2014; Điều 85; khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 93, 94 của Luật HN và GĐ năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Minh Th được ly hôn với anh Lý Mộng Ch.

- Về con chung: giao con chung cháu Lý Quốc N, sinh ngày 25/9/2005 và Lý Nguyễn Phương Nh, sinh ngày 04/8/2008 cho chị Nguyễn Thị Minh Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lý Mộng Ch.

Khi cần thiết chị Th và anh Ch được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh Th phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 00091524 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. Cẩm Mỹ;*
- *Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Xuân Mỹ;*
- *Lưu án văn;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Khuyên